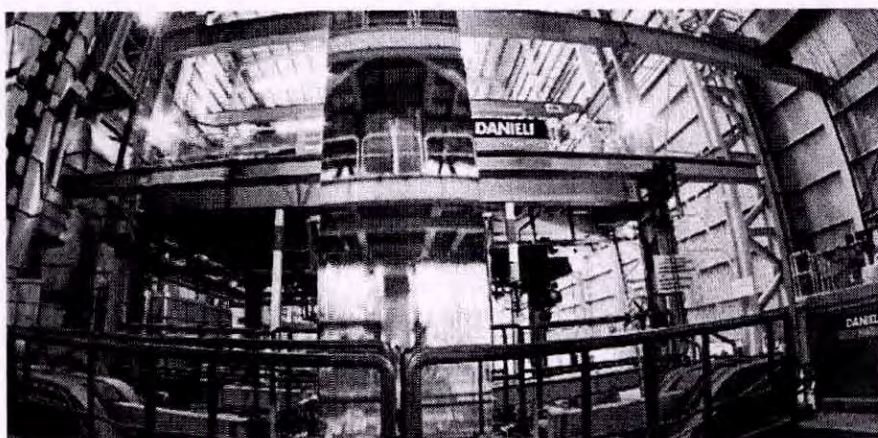


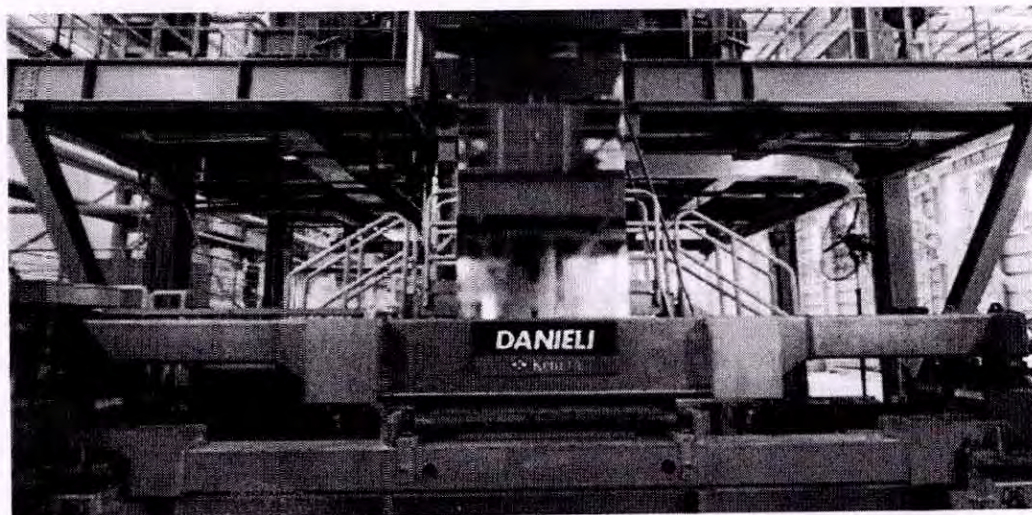
- Chảo mạ: hệ thống gồm hai chảo mạ chính và một chảo mạ phụ để nấu hợp kim nhôm kẽm/kẽm, hệ thống hai chảo đảm bảo cho tính linh hoạt trong việc chuyển đổi hai sản phẩm mạ lạnh và mạ kẽm.

Hình 11: Hệ thống chảo mạ của Tôn Đông Á



- Dao gió Danieli Kohler: thiết bị đến từ Ý có tác dụng tối ưu khí động lực học luồng gió, có cơ cấu baffle bên hai biên, đảm bảo việc chắn hai biên tôn hoàn hảo nhất, giúp cho lớp mạ có bông vân đồng đều, đạt chất lượng cao và thành phần quán phẳng 100%.

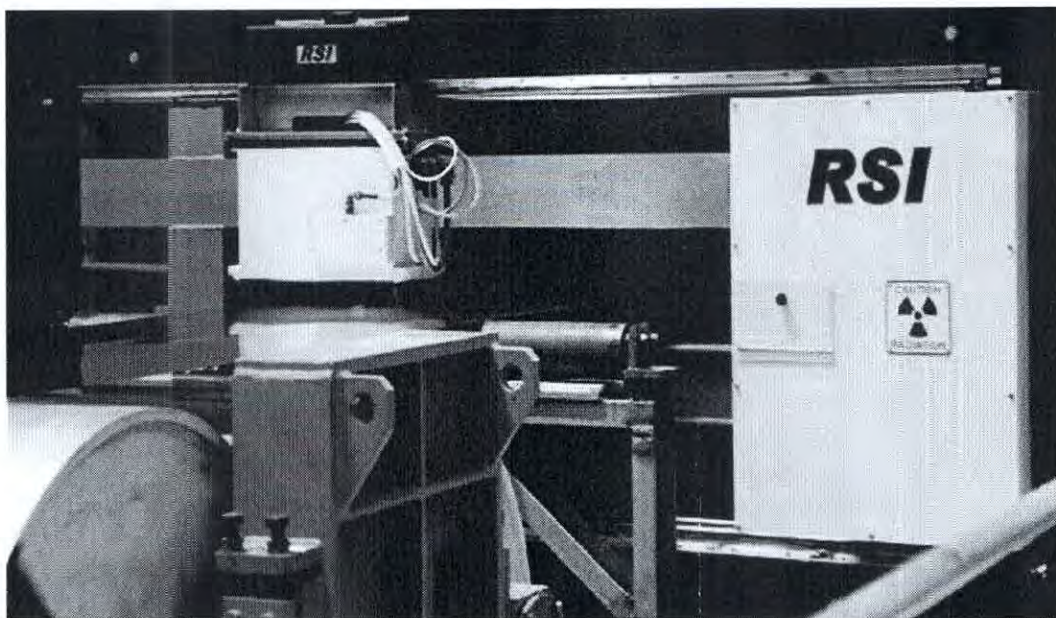
Hình 12: Hệ thống dao gió Danieli Kohler của Tôn Đông Á



- Thiết bị đo khối lượng online của USA: thiết bị đo độ dày hợp kim nhôm kẽm/kẽm được lắp ngay sau tháp làm nguội. Thiết bị có độ chính xác cao, cho phép đo ổn định

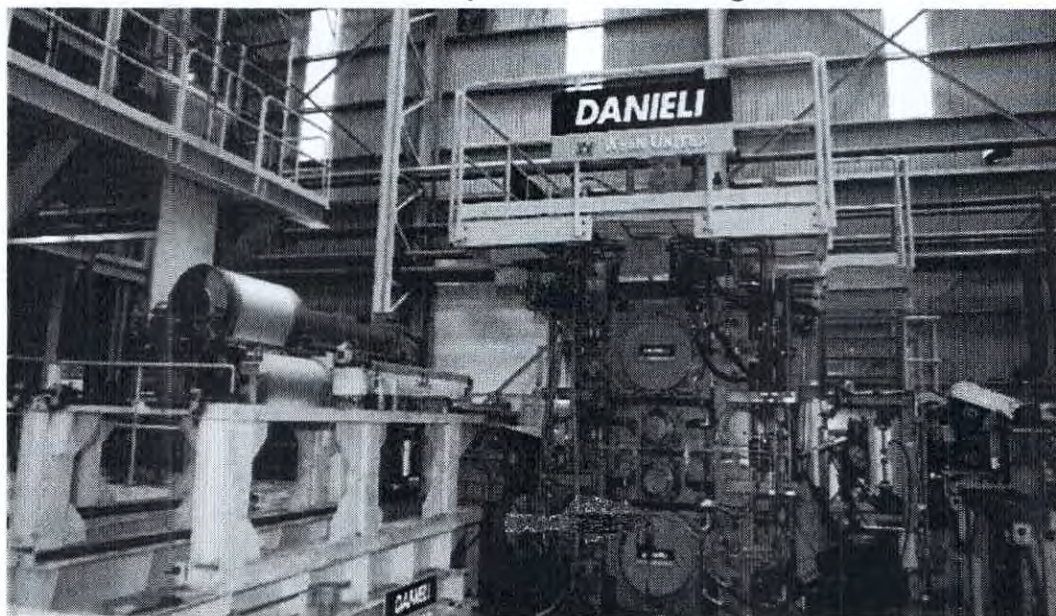
tại mọi cấp tốc độ mà không cần tiếp xúc với băng tôn. Thiết bị đo cả trên hai mặt băng tôn, đảm bảo độ dày chính xác của lớp mạ, mặt khác tiết kiệm chi phí tiêu hao.

Hình 13: Thiết bị đo khối lượng online



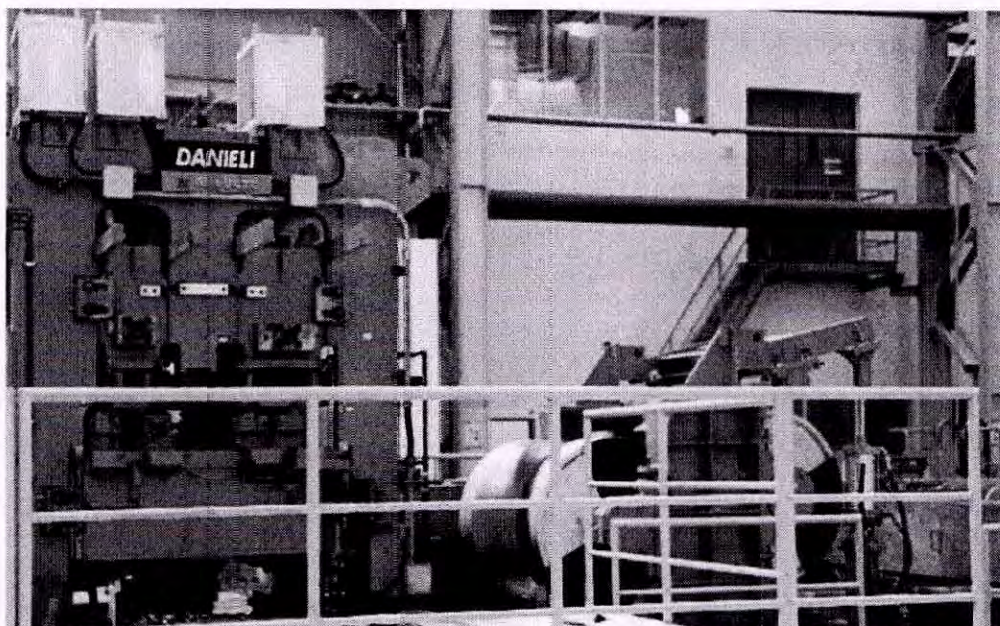
- Thiết bị cán: xử lý hiệu quả bề mặt thép mạ, làm cho lớp mạ có độ phẳng và độ nhám theo yêu cầu để đảm bảo chất lượng tôn mạ màu tại dây chuyền mạ màu.

Hình 14: Thiết bị cán của Tôn Đông Á



- Thiết bị nắn phẳng: thiết bị đến từ Danieli Italy với phiên bản mới nhất giúp xử lý hoàn hảo các lỗi biến dạng như giãn biên, giãn bụng, camber.

Hình 15: Thiết bị nắn phẳng của Tôn Đông Á



➤ **Dây chuyền mạ màu (tổng công suất 240.000 tấn/năm cho 4 dây chuyền)**

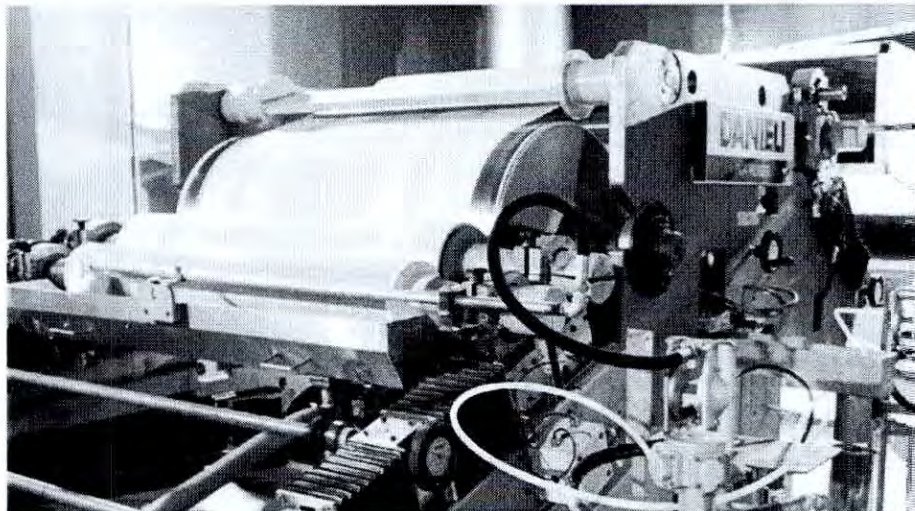
Tôn đen, tôn kẽm hay tôn lạnh sau khi qua hệ thống tẩy rửa sẽ được phủ một lớp phụ gia làm tăng độ bám dính của sơn. Sau đó sẽ phủ một lớp sơn lót, một lớp sơn chính thức và được đưa vào lò sấy. Lớp sơn giúp làm tăng khả năng chống chịu với môi trường của tôn, tạo thẩm mỹ. Sử dụng công nghệ sơn trực tiến tiên nhất hiện nay với 3-4 máy sơn và 2 lò sấy được thiết kế để lắp đặt thêm máy in hoa văn cao cấp và máy phủ laminator dùng trong nội thất. Đồng thời, hệ thống điều khiển tiên tiến giúp kiểm soát chính xác độ vồng bang tôn trong lò sấy, tạo lực căng tối ưu ở vị trí máy sơn nhằm nâng cao chất lượng sơn phủ của sản phẩm.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Hình 16: Quy trình công nghệ và sản xuất mạ màu



Hình 17: Dây chuyền mạ màu của Tôn Đông Á

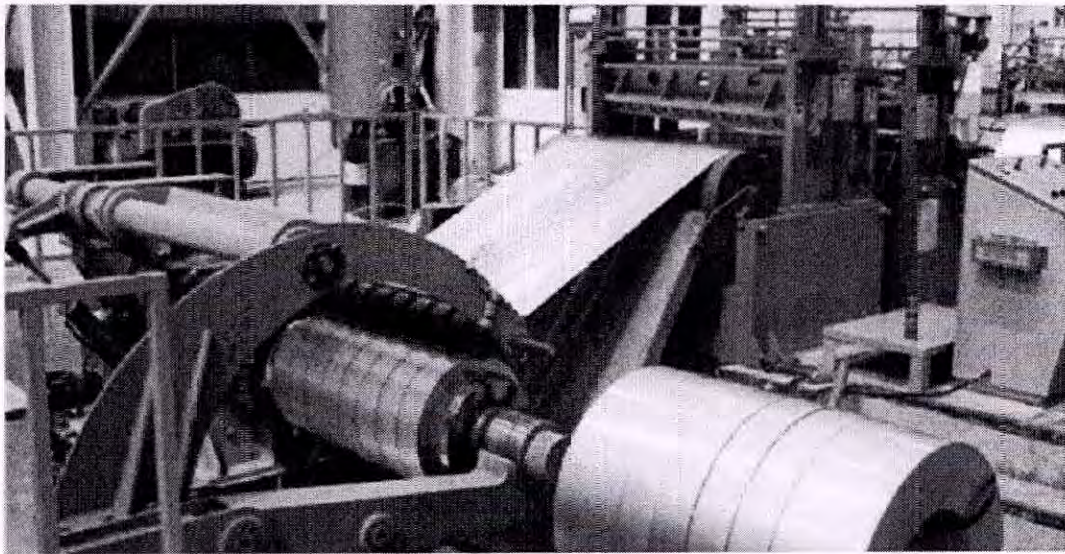


➤ Dây chuyền xẻ băng (công suất 100.000 tấn/năm)

Dây chuyền xẻ băng (slitting line - SL) dùng để phân chia các cuộn tôn thành các băng tôn với các khổ khác nhau theo yêu cầu của khách hàng.

Sử dụng dao cắt để chia cuộn thép khổ rộng thành những băng thép khổ hẹp theo yêu cầu của khách hàng.

Hình 18: Dây chuyền xả bang của Tôn Đông Á



Để trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu của Việt Nam về ngành tôn và thép lá mạ, với tên tuổi và chất lượng đã được khẳng định trên thị trường trong nước và thế giới, Tôn Đông Á đã tập trung chiến lược vào việc đầu tư xây dựng máy móc, dây chuyền, hệ thống quản trị và nguồn nhân lực. Đặc biệt, là việc đầu tư vào dây chuyền sản xuất chất lượng cao tại 02 nhà máy Thủ Dầu Một và Sóng Thần 1. Với những nỗ lực và thành quả hoạt động trong gần 28 năm vừa qua, Tôn Đông Á đã xây dựng được niềm tin, uy tín với các đối tác lớn, tạo dựng nên một chuỗi sản xuất hiệu quả, ổn định và vị thế vững chắc trước những cạnh tranh khốc liệt trên thị trường.

Dây chuyền sản xuất của Tôn Đông Á tại nhà máy Thủ Dầu Một và Sóng Thần 1 có hiệu quả công suất cao, với tỷ lệ sử dụng công suất trung bình trên 90%, nhờ tối ưu dây chuyền sản xuất và giảm thời gian ngừng máy.

10.1.3. Hệ thống phân phối hàng hóa

Tôn Đông Á có mạng lưới phân phối trong và ngoài nước.

Hệ thống phân phối trong nước của Tôn Đông Á trải dài từ Nam ra Bắc với hơn 1.700 khách hàng tại các thị trường trọng điểm: trong đó, Khu vực từ Cà Mau ra tới Gia Lai là thị trường trọng điểm tại thị trường miền nam.

Hệ thống phân phối của Tôn Đông Á được chia thành bốn kênh bao gồm:

- Kênh Cắt cán (khách hàng C1): Những Khách hàng giao dịch mua bán trực tiếp với Tôn Đông Á.
- Kênh Thương mại: Hiện Tôn Đông Á có 8 nhà phân phối lớn, các nhà phân phối sẽ phân phối sản phẩm Tôn Đông Á đến với khách hàng là những nhà máy cắt cán.

- Kênh Chuyên ngành (bao gồm Công trình - Kẽm - Khung trần).
- Nhóm các sản phẩm khác (Hàng loại 3 - 9, Thép hộp...).

Tôn Đông Á là một trong các Công ty tiên phong trong việc cung ứng các sản phẩm chất lượng cao trên 50 quốc gia như Asean, Úc, Trung Đông, Châu Phi, Nhật Bản và Mỹ. Thế mạnh xuất khẩu của Tôn Đông Á tập trung vào dòng hàng chủ lực là GL và PPGL và đang dần mở rộng vị thế qua GI và PPGI trong thời gian ngắn sắp tới.

Tôn Đông Á bảo đảm chất lượng hàng hóa, chính sách bán hàng ổn định cũng như hỗ trợ các nhà phân phối làm bằng hiệu, chứng nhận đại lý, treo poster, các vật phẩm quảng cáo để góp phần nhận diện thương hiệu và hình ảnh của Công ty. Khách hàng của Tôn Đông Á đang tăng lên về số lượng và chất lượng, độ phủ cũng như mức cam kết với thương hiệu.

10.1.4. Công nghệ áp dụng

Với phương châm “Chất lượng - Uy tín - Phát triển vững bền” Tôn Đông Á luôn chú trọng đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường nhằm tập trung sản xuất các dòng sản phẩm chất lượng cao cung ứng cho phân khúc thị trường cao cấp trong và ngoài nước. Theo đó, các máy móc, dây chuyền của nhà máy đều có nguồn gốc từ các nước phát triển như: Danieli (Ý), Nippon Steel Sumikin & Engineering (Nhật Bản), Tenova (Ý), hệ thống tái sinh axit ASTEC (Áo).... Tất cả được vận hành, quản lý bởi hệ thống quản trị đạt chuẩn quốc tế với đội ngũ chuyên viên kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao. Việc sử dụng thiết bị tự động hóa trong sản xuất đã làm cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt hơn, ít hao tổn nguyên vật liệu, sử dụng ít lao động, tiết kiệm chi phí nhân công, giảm tỷ lệ sai hỏng và lỗi trong quá trình sản xuất.

Hiện nay, những dây chuyền sản xuất sản phẩm của Tôn Đông Á được Công ty đầu tư là các thế hệ công nghệ tiên tiến của thế giới và khu vực như dây chuyền mạ màu CM4 nhằm sản xuất tôn kẽm màu (PPGI), tôn lạnh màu (PPGL) chất lượng cao cung ứng cho ngành xây dựng và điện tử gia dụng của Danieli Fata Hunter (Ý) - công ty chuyên cung cấp các dây chuyền mạ màu hàng đầu trên thế giới cho các công ty thép lớn trên toàn cầu; hai dự án “Dây chuyền thép cán nguội đảo chiều hai giá cán 600.000 tấn/năm” (twin stands) và “Dây chuyền mạ hợp kim nhôm – kẽm 150.000 tấn/năm” hợp tác với Công ty Danieli Wean United – Italy như một khẳng định xuyên suốt quan điểm đầu tư chiều sâu về kỹ thuật và công nghệ cho các dòng sản phẩm chất lượng cao nhằm cung ứng và thỏa mãn nhu cầu đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước của Công ty; dây chuyền mạ lạnh ứng dụng công nghệ NOF, công nghệ mạ tiên tiến nhất trên thế giới đối với các sản phẩm tôn hiện nay,.... Các sản phẩm của Tôn Đông Á đang có lợi thế cạnh tranh rất lớn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành nhờ vào dây chuyền sản xuất đồng bộ. Các dây chuyền được đầu tư công suất lớn, năng suất cao, tính năng hiện đại, quản lý quy trình sản xuất bằng hệ thống máy vi tính. Dây chuyền sản xuất của Tôn Đông Á có mức độ tự động hoá

cao, từ khâu đưa nguyên vật liệu đầu vào đến khi ra thành phẩm đều được thực hiện bằng hệ thống máy tự động, công nhân chỉ tham gia vào các công đoạn phụ như đưa nguyên liệu thô vào sản xuất và kiểm tra bán thành phẩm.

Bên cạnh đó Tôn Đông Á còn tổ chức, điều hành công ty bằng các hệ thống tiên tiến theo chuẩn quốc tế như hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp Oracle ERP (trên 1 triệu USD), hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001, hệ thống quản lý môi trường ISO 14001, quản lý hoạt động thí nghiệm ISO/IEC 17025:2017, Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001, Tiêu chuẩn kiểm kê khí nhà kính ISO 14064-1, Tiêu chuẩn đánh giá dấu vết cacbon của sản phẩm ISO 14067, QRcode được ứng dụng vào TDA từ tháng 5/2021 trong các giao dịch nội bộ và bao gồm cả ứng dụng thương mại, sử dụng App Tôn Đông Á đến khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị cộng thêm cho khách hàng, sử dụng Phần mềm eOffice (văn phòng điện tử) trên toàn hệ thống trong công tác quản lý mọi lúc mọi nơi.

Trong suốt 28 năm hình thành và phát triển, Tôn Đông Á luôn chú trọng đầu tư chiều sâu công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường nhằm mang đến sản phẩm chất lượng cao và dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng. Tất cả các sản phẩm của Tôn Đông Á được cam kết chất lượng thông qua các dịch vụ bảo hành như: bảo hành chống phai màu, bảo hành chống ăn mòn thùng...

Với chiến lược ưu tiên đầu tư chiều sâu công nghệ và kỹ thuật để sản xuất các dòng sản phẩm thép lá mạ chất lượng cao, đồng thời ưu tiên xây dựng phát triển nguồn nhân lực làm nền tảng cho việc tạo dựng văn hóa doanh nghiệp phát triển bền vững và trường tồn, Tôn Đông Á đã và đang cung ứng cho nhu cầu thị trường thép lá mạ chất lượng cao trong nước Việt Nam và xuất khẩu vào các nước trên toàn cầu.

10.1.5. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.

10.1.6. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Sản lượng sản phẩm

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06tháng đầu năm 2026	
		Tấn	Tỷ trọng %	Tấn	Tỷ trọng %	Tấn	Tỷ trọng %
1	Tôn kẽm	273.696	32%	247.215	33%	108.829	31%
2	Tôn lạnh	413.931	48%	304.452	41%	136.417	39%

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06tháng đầu năm 2026	
		Tấn	Tỷ trọng %	Tấn	Tỷ trọng %	Tấn	Tỷ trọng %
3	Tôn lạnh màu	177.798	21%	197.026	26%	107.890	30%
Tổng cộng		865.425	100%	748.693	100%	353.136	100%

Nguồn: GDA

Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp

Doanh thu của Tôn Đông Á đến từ doanh thu bán thành phẩm, chính là các sản phẩm tiêu chuẩn chất lượng cao như tôn lạnh, tôn lạnh màu, và tôn kẽm, chiếm tỷ trọng hơn 99% tổng doanh thu thuần. Ngoài ra, Công ty cũng có doanh thu từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với tỷ trọng thấp khoảng 1% tổng doanh thu thuần.

Doanh thu thuần hợp nhất năm 2024 đạt 19.136 tỷ đồng, tăng trưởng 9,76% so với năm 2023, và vượt 6,31% so với kế hoạch. Năm 2024, sản lượng bán hàng đạt 865 nghìn tấn, tăng lần lượt 11,73% so với năm 2023 và vượt 10,95% so với kế hoạch. Lợi nhuận gộp năm 2024 hợp nhất đạt 1.449 tỷ đồng tăng trưởng 28,34% so với năm 2023. Mức tăng trưởng này chủ yếu nhờ vào sự đóng góp bởi tiêu thụ trong nước, giá bán tại thị trường xuất khẩu và tỷ giá, cũng như công ty đã tối ưu danh mục sản phẩm giá trị cao.

Kết thúc năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 15.310 tỷ đồng và lợi nhuận gộp hợp nhất đạt 999,5 tỷ đồng, lần lượt giảm 19,99% và 31,03% so với năm 2024. Trong năm, cơ cấu tiêu thụ có sự dịch chuyển đáng kể khi tỷ trọng xuất khẩu giảm trong khi thị trường nội địa gia tăng. Do hoạt động xuất khẩu có biên lợi nhuận gộp cao hơn so với tiêu thụ nội địa, sự thay đổi cơ cấu này đã khiến mức suy giảm lợi nhuận gộp trong năm 2025 lớn hơn đáng kể so với mức giảm của doanh thu.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng doanh thu thuần đạt 6.654,7 tỷ đồng, tương đương khoảng 43,5% doanh thu cả năm 2025. Lợi nhuận gộp trước dự phòng 6 tháng đầu năm 2026 đạt 461,1 tỷ đồng, tương đương 56,4% mức lợi nhuận gộp trước dự phòng của cả năm 2025. Như vậy, xét theo tương ứng, lợi nhuận gộp đang có tốc độ cải thiện tích cực hơn doanh thu.

Bảng 1: Cơ cấu doanh thu thuần HN năm 2024, 2025 và 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Doanh thu bán thành phẩm	19.010.739	99,35	15.203.201	99,30	6.619.737	99,47
2	Doanh thu bán hàng hóa	77.110	0,40	69.422	0,45	15.298	0,23
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.000	0,25	37.753	0,25	19.665	0,30
Doanh thu thuần		19.135.849	100,00	15.310.376	100,00	6.654.699	100,00

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2024, 2025 và 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Doanh thu bán thành phẩm	18.860.717	99,57	15.101.550	99,52	6.643.471	88,30

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
2	Doanh thu bán hàng hóa	77.205	0,41	69.702	0,46	879.285	11,69
3	Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.351	0,02	3.308	0,02	982	0,01
Doanh thu thuần		18.942.273	100,00	15.174.560	100,00	7.523.739	100,00

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

Bảng 3: Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2024, 2025 và 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Lợi nhuận gộp thành phẩm đã bán	1.611.057	99,66	845.928	103,48	468.186	101,53
2	Lợi nhuận gộp hàng hóa đã bán	(887)	0,05	(35.267)	(4,31)	(12.081)	(2,62)
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ cung cấp	6.374	0,39	6.841	0,84	5.024	1,09
Lợi nhuận		1.616.544	100,00	817.502	100,00	461.129	100,00

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
	gộp trước dự phòng						
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	167.446		(181.991)		25.313	
	Lợi nhuận gộp sau dự phòng	1.449.098		999.493		435.816	

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Bảng 4: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ năm 2024, 2025 và 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Lợi nhuận gộp thành phẩm đã bán	1.615.718	99,99	794.199	100,39	478.003	101,56
2	Lợi nhuận gộp hàng hóa đã bán	(801)	-0,05	(4.007)	-0,51	(7.772)	(1,65)
3	Lợi nhuận gộp dịch vụ cung cấp	949	0,06	956	0,12	437	0,09

TT	Nội dung	Năm 2024		Năm 2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
	Lợi nhuận gộp trước dự phòng	1.615.866	100,00	791.148	100,00	470.668	100,00
	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	167.047		(182.857)		26.388	
	Lợi nhuận gộp sau dự phòng	1.448.819		974.005		444.280	

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

• Thông tin về hàng tồn kho:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thành phẩm	1.605.026	1.241.192	1.869.011
Nguyên vật liệu	1.781.099	1.011.079	1.299.661
Bán thành phẩm	616.534	883.837	862.615
Hàng mua đang đi trên đường	782.091	470.468	231.265
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.523	41.286	41.921
Công cụ, dụng cụ	3.201	2.873	4.542
Hàng hóa	1.518	1.006	999
TỔNG CỘNG	4.835.992	3.651.741	4.310.015
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(251.401)	(69.411)	(94.724)

GIÁ TRỊ THUẦN	4.584.591	3.582.330	4.215.290
----------------------	------------------	------------------	------------------

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Thành phẩm	1.472.766	1.028.340	1.574.237
Nguyên vật liệu	1.778.796	1.008.322	1.295.181
Bán thành phẩm	616.534	883.837	862.615
Hàng mua đang đi trên đường	782.090	470.467	231.251
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	45.703	40.625	40.593
Hàng hóa	879	745	142.643
Công cụ, dụng cụ	1.079	654	2.039
TỔNG CỘNG	4.697.847	3.432.990	4.148.559
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(250.717)	(67.860)	(94.248)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.447.131	3.365.131	4.054.311

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

Tại mỗi kỳ lập BCTC, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho”, Công ty đã thực hiện ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì Công ty sẽ tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ngược lại Công ty sẽ hoàn nhập dự phòng của kỳ trước.

- Thông tin về các khoản dự phòng/ hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Số đã trích lập	251.401	69.411	94.724
Số hoàn nhập	(83.955)	(251.401)	(69.411)

Chi tiết	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Dự phòng trích lập (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	167.446	(181.990)	25.313

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Số đã trích lập	250.717	67.860	94.248
Số hoàn nhập	(83.670)	(250.717)	(67.860)
Dự phòng trích lập (hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	167.047	(182.857)	26.388

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

10.2. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ tại thời điểm ngày 30/06/2026 như sau:

Bảng 5: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	4.721.877	3.073.095	1.648.782	4.881.298	3.198.519	1.682.779
Nhà cửa, vật kiến trúc	899.959	314.759	585.200	973.759	335.997	637.762
Máy móc thiết	3.571.899	2.555.923	1.015.976	3.647.365	2.648.366	998.999

	31/12/2025			30/06/2026		
Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
bị						
Phương tiện vận tải	228.628	185.178	43.450	238.173	196.341	41.832
Thiết bị văn phòng	21.355	17.209	4.146	21.965	17.782	4.183
Khác	36	26	10	36	33	3
Tài sản cố định thuê tài chính	144.995	53.480	91.515	141.316	60.270	81.046
Máy móc và thiết bị	26.241	6.396	19.845	26.242	7.708	18.534
Phương tiện vận tải	118.754	47.084	71.670	115.074	52.562	62.512
Tài sản cố định vô hình	143.531	19.464	124.067	148.508	20.305	128.203
Quyền sử dụng đất	117.526	-	117.526	117.526	-	117.526
Phần mềm quản lý	26.005	19.464	6.541	30.982	20.305	10.677
Tổng cộng	5.010.403	3.146.039	1.864.364	5.171.122	3.279.094	1.892.028

Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2025 và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Bảng 6: Tình hình tài sản của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Tài sản	31/12/2025		30/06/2026			
	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	4.372.018	2.927.963	1.444.055	4.377.727	3.035.251	1.342.476
Nhà cửa và vật kiến trúc	712.907	285.336	427.571	712.954	300.807	412.147
Máy móc và thiết bị	3.495.350	2.501.950	993.400	3.499.924	2.588.458	911.466
Phương tiện vận tải	144.505	124.896	19.609	145.593	129.752	15.841
Thiết bị văn phòng	19.256	15.781	3.475	19.256	16.234	3.022
Tài sản cố định vô hình	142.871	18.936	123.935	146.622	19.721	126.901
Quyền sử dụng đất	117.526	-	117.526	117.526	0	117.526
Phần mềm kế toán	25.345	18.936	6.409	29.096	19.721	9.375
Tổng cộng	4.514.889	2.946.899	1.567.990	4.524.349	3.054.972	1.469.377

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

- Thông tin một số tài sản lớn của Công ty tại ngày 30/06/2026 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên Tài sản	Nguyên giá 30/06/2026	Giá trị còn lại 30/06/2026
1	Dây chuyền mạ nhôm (CK3)	219.588	3.733
2	Dây chuyền cán nguội	341.175	728
3	Dây chuyền mạ nhôm kẽm (CK4)	386.630	3.395
4	Dây chuyền tẩy rỉ	131.127	21.892
5	Dây chuyền mạ màu (CM4)	417.680	209.509
6	Dây chuyền cán nguội 2	448.249	149.000
7	Dây chuyền mạ kẽm CK5	471.032	137.347
8	Dây chuyền mạ nhôm kẽm CK6	634.704	297.542
9	Xây dựng dây chuyền cán nguội	106.034	53.829
10	Dây chuyền mạ kẽm CK5	117.449	76.736
Tổng cộng		3.273.668	953.711

Nguồn: GDA

10.3. Thị trường hoạt động

Tôn Đông Á cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho cả thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu với mạng lưới phân phối trải dài từ Nam ra Bắc với hơn 1.700 khách hàng trong nước và cung ứng hơn 50 quốc gia. Tùy từng thời điểm kinh doanh, Công ty sẽ có sự cân chỉnh linh hoạt trong chiến lược phân phối để tối ưu hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Đơn vị: triệu đồng



Các tiêu chí theo thị trường		2024		2025		06 tháng đầu năm 2026	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nội địa	8.042.487	41%	11.170.652	73%	5.146.407	77%
	Xuất khẩu	11.093.362	59%	4.139.724	27%	1.508.292	23%
	Tổng cộng	19.135.849	100%	15.310.376	100%	6.654.699	100%
Lợi nhuận gộp	Nội địa	156.654	11%	594.485	59%	312.272	72%
	Xuất khẩu	1.292.444	89%	405.008	41%	123.544	28%
	Tổng cộng	1.449.098	100%	999.493	100%	435.816	100%

Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2025 và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Các năm gần đây, ngành thép mạ đối mặt với làn sóng bảo hộ thương mại bao gồm thuế quan, thuế chống bán phá giá, hạn ngạch từ các quốc gia dẫn đến sản lượng xuất khẩu giảm mạnh toàn ngành tại Việt Nam nói chung và Tôn Đông Á nói riêng. Công ty đã chủ động linh hoạt điều chỉnh cơ cấu thị trường phân phối để phù hợp với tình hình vĩ mô, chính sách và nhu cầu thị trường. Trong giai đoạn 2024–2025 và 6 tháng năm 2026, Công ty ghi nhận sự chuyển dịch rõ rệt trong cơ cấu thị trường tiêu thụ, theo đó tỷ trọng doanh thu từ thị trường nội địa tăng mạnh từ 41% năm 2024 lên 73% năm 2025 và 77% 6 tháng năm 2026, trong khi thị trường xuất khẩu giảm tương ứng từ 59% xuống 27% và xuống 23%. Diễn biến này phản ánh sự điều chỉnh linh hoạt trong chiến lược bán hàng, tăng cường khai thác thị trường trong nước, trong bối cảnh tình hình nội địa tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và được hỗ trợ từ điều kiện kinh tế vĩ mô tích cực. Kết quả này cho thấy, Công ty tiếp tục khẳng định vị thế thương hiệu Tôn Đông Á vững chắc trong bối cảnh áp lực cạnh tranh tại thị trường nội địa.

Sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu cũng kéo theo sự dịch chuyển tương ứng trong cơ cấu lợi nhuận gộp. Cụ thể, tỷ trọng lợi nhuận gộp từ thị trường nội địa tăng từ 11% năm 2024 lên 59% năm 2025 và 72% trong 6 tháng năm 2026, trong khi thị trường xuất khẩu giảm tương ứng từ 89% xuống 41% và xuống 28%. Điều này cho thấy đóng góp lợi nhuận đã dịch chuyển đồng pha với cơ cấu doanh thu, và sự đóng góp tích cực hơn đến từ thị trường nội địa.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Trong năm 2025, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Công ty trong các lĩnh vực hoạt động chính ghi nhận sự suy giảm so với năm 2024, thể hiện qua việc các chỉ tiêu tổng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều giảm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ những khó khăn của thị trường xuất khẩu như nhu cầu suy yếu và áp lực cạnh tranh gia tăng. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, qua đó từng bước gia tăng tỷ trọng doanh thu trong nước. Thị trường nội địa được đánh giá là có tính ổn định cao và dư địa tăng trưởng dài hạn, góp phần tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời giảm thiểu rủi ro phụ thuộc vào các biến động bất lợi từ thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, TDA duy trì chiến lược xuất khẩu có chọn lọc và xuất khẩu linh hoạt khi thời điểm thị trường và tỷ giá thuận lợi, nhằm tối ưu lợi nhuận trong các giai đoạn xuất khẩu thuận lợi như năm 2024.

Tôn Đông Á đã triển khai hiệu quả các chiến lược trọng tâm, kết hợp quản trị linh hoạt và tận dụng cơ hội thị trường. Các thương hiệu KING/WIN/SVIET và KINGMAX được nhận diện rộng rãi, khẳng định chất lượng vượt trội, giúp TDA gia tăng thị phần tại cả thị trường nội địa và quốc tế.

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/ 2024
Tổng sản lượng (nghìn tấn)	865	749	86,51%
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	19.154	15.335	80,06%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	342	272	79,53%

Nguồn: GDA

Trong năm 2025-2026, Công ty tiếp tục triển khai các dự án chiến lược, trong đó nổi bật là các dự án sau:

❖ **Dự án Nhà máy Phú Mỹ 3 (nhà máy thứ 4) (thuộc Công ty TNHH Đông Á - Phú Mỹ)**

- Địa điểm thực hiện: Khu Công Nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3
- Vốn đầu tư: 10.000 tỷ VND
- Mục tiêu đầu tư: Phát triển quy mô sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh và mạ màu cung ứng cho ngành xây dựng, sản xuất thiết bị gia dụng và ô tô
- Quy mô: 1,2 triệu tấn /năm
- Tiến độ thực hiện: 2024-2032. Giai đoạn 1 công suất 300.000 tấn/năm, dự kiến đưa vào hoạt động năm 2027. Đây sẽ là dấu mốc quan trọng khẳng định năng lực sản xuất vượt trội và củng cố năng lực cạnh tranh quốc tế của Công ty.

❖ **Dự án Nhà máy Phú Mỹ 1 (nhà máy thứ 5) (thuộc Công ty TNHH MTV Đông Á – Phú Mỹ 1)**

- Địa điểm thực hiện: Khu công nghiệp Phú Mỹ 1
- Vốn đầu tư: 300 tỷ VND
- Tiến độ thực hiện: 2025-2026. Đã đưa vào hoạt động quý 1/2026
- Mục tiêu đầu tư: nhà máy Sản xuất ống hộp (thép ống)
- Quy mô: 60.000 tấn /năm
- Nhà máy đã đưa vào vận hành sản xuất trong quý 1 năm 2026.

❖ **Dự án đất nền (thuộc Công ty TNHH Đầu tư và Địa ốc Đông Á Miền Trung)**

- Địa điểm thực hiện: Khu đô thị SBC Miền Trung
- Quy mô dự án: 5,5 ha
- Tổng mức đầu tư: 50,8 tỷ VND
- Tiến độ triển khai: 4 năm từ 2024 -2027. Hiện tại đang trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan và giải phóng mặt bằng, dự kiến triển khai bán hàng giai đoạn 1 vào Quý IV/2026.
- Tiềm năng của dự án: Công ty đánh giá đây là Dự án tiềm năng để đầu tư và phát triển lĩnh vực Bất động sản, nhà ở. Dự án nằm trong khu dân cư đông đúc, gần khu công nghiệp, nằm cạnh trục giao thông chính từ trung tâm TP Đà Nẵng đi Hội An.

- Khó khăn và rủi ro: Thời gian gần đây, đất nước có những thay đổi về địa chính, và nhiều quy định pháp luật cũng được sửa đổi, vì vậy dự án cần nhiều thời gian để rà soát, điều chỉnh, có thể ảnh hưởng đến tiến độ của dự án. Công ty đang phối hợp với các bên có liên quan để điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành, sớm đưa vào hoạt động bán hàng góp phần gia tăng doanh thu cho Công ty.

❖ **Dự án Nhà máy của Công ty PT INDO VINA STEEL tại Indonesia**

- Địa điểm thực hiện: Indonesia
- Vốn đầu tư của Tôn Đông Á: USD 3.832.727, với tỷ lệ vốn góp là 51%
- Mục tiêu đầu tư: Bán buôn thép cuộn và sản xuất thép cuộn mạ kẽm, mạ nhôm kẽm và mạ màu
- Quy mô: 140.000 tấn /năm
- Tiến độ thực hiện: 2026-2027. Hiện nay, Nhà máy đã bắt đầu khởi công xây dựng và dự kiến đưa vào sản xuất vào cuối năm 2027. Nhà máy nằm trong vùng công nghiệp phát triển, thuận lợi cho hoạt động sản xuất, vận chuyển hàng hóa, và công suất sản xuất nội địa thấp so với nhu cầu. Đây sẽ là dấu ấn quan trọng về công ty thép lá mạ đầu tiên đầu tư ra nước ngoài.

[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

10.5. Các hợp đồng lớn

Bảng 7. Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của GDA trong giai đoạn 2024, 2025 đến thời điểm hiện tại

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Tên Hợp đồng	Sản phẩm/ dịch vụ	Ngày ký HĐ	Thời gian thực hiện	Giá trị HĐ	Đối tác	Mối quan hệ với Tv HĐQT, BKS, BGĐ, cổ đông lớn
1	Hợp đồng bán hàng	Thép mạ kẽm- Thép mạ kẽm phủ sơn-Thép mạ nhôm kẽm- Thép mạ nhôm kẽm phủ sơn	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	2.638.999	Duferco Sa	Không có
2	Hợp đồng bán hàng	Thép mạ kẽm- Thép mạ kẽm phủ sơn-Thép mạ nhôm kẽm- Thép mạ nhôm kẽm phủ sơn	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	2.266.004	Công Ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	Không có

3	Hợp đồng bán hàng	Thép mạ kẽm-Thép mạ nhôm kẽm-Thép mạ nhôm kẽm phủ sơn	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	1.319.805	Công Ty TNHH Tôn Thép Kokoro	Không có
4	Hợp đồng mua hàng	Thép cán nóng	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	2.438.698	Jfe Shoji Corporation	Đối tác là Công ty mẹ của Cổ đông lớn (Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam)
5	Hợp đồng mua hàng	Thép cán nóng	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	3.179.349	Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	Không có
6	Hợp đồng mua hàng	Thép cán nóng - Thép cán nguội -	Từ ngày 01/01/2024	Từ ngày 01/01/2024	3.073.862	Công Ty TNHH Thương Mại	Không có

		Vật tư	đến 30/06/2026	đến 30/06/2026		Dịch Vụ Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phú	
--	--	--------	-------------------	-------------------	--	--	--

Nguồn: GDA

- Các điều khoản quan trọng khác trong các hợp đồng: không có

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Danh sách các khách hàng lớn từ năm 2024 đến nay

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên khách hàng	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/ doanh thu	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ với Tv HĐQT, BKS, BGĐ, cổ đông lớn
1	Duferco SA	2.638.999	6%	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Thép mạ kẽm- Thép mạ kẽm phủ sơn-Thép mạ nhôm kẽm-Thép mạ nhôm kẽm phủ sơn	Không có

2	Công Ty TNHH Tôn Thép Kokoro	1.319.805	3%	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Thép mạ kẽm- Thép mạ kẽm phủ sơn-Thép mạ nhôm kẽm-Thép mạ nhôm kẽm phủ sơn	Không có
3	Công Ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	2.266.004	5%	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Thép mạ kẽm- Thép mạ nhôm kẽm-Thép mạ nhôm kẽm phủ sơn	Không có

Nguồn: GDA

Danh sách các nhà cung cấp lớn từ năm 2024 đến nay

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên nhà cung cấp	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch/ doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ với Tv HĐQT, BKS, BGD, cổ đông lớn
1	Jfe Shoji Corporation	2.438.698	7%	Từ ngày 01/01/2024 đến	Thép cán nóng	Đối tác là Công ty mẹ của Cổ đông lớn (Công

				30/06/2026		ty TNHH JFE Shoji Việt Nam)
2	Công ty cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	3.179.349	9%	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Thép cán nóng	Không có
3	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Xây Dựng Hưng Phú	3.073.862	8%	Từ ngày 01/01/2024 đến 30/06/2026	Thép cán nóng -Thép cán nguội -Vật tư	Không có

Nguồn: GDA

10.7. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong ngành

Chiến lược phát triển của Tôn Đông Á là tôn lạnh và lạnh màu, dòng sản phẩm cao cấp hơn về chất lượng và những đặc tính đặc biệt cần thiết cho những công trình dự án đòi hỏi kỹ thuật cao. Nhờ vào sự vượt trội về tiêu chuẩn và thiết bị sản xuất, Tôn Đông Á dễ dàng dẫn đầu trong dòng sản phẩm này.

Chiến lược phát triển sản phẩm này cũng được áp dụng với thị trường xuất khẩu với việc Tôn Đông Á đẩy mạnh sản phẩm tôn lạnh và tôn lạnh màu. Với việc thị trường nội địa vẫn còn nhiều dư địa để phát triển cho Tôn Đông Á nhờ nhu cầu cho sản phẩm chất lượng cao ở Việt Nam đang tăng lên và tỷ suất lợi nhuận bán nội địa khá tốt, Tôn Đông Á sẽ có sự linh hoạt với mức tỷ lệ phù hợp cho mỗi thị trường thay đổi dựa trên tình hình thực tế của mỗi giai đoạn.

Về sản phẩm, Tôn Đông Á thể hiện sự vượt trội, trước hết nhờ vào tỷ trọng hàng lạnh cao – mặt hàng có giá trị cao hơn về mặt sản xuất. Cùng với đó, Tôn Đông Á là thương hiệu tôn nội địa đầu tiên xây dựng được bộ nhận diện thương hiệu hoàn chỉnh, nâng cao tầm vóc của sản phẩm trên toàn thế giới. Về mặt kỹ thuật, Công ty là doanh nghiệp nội địa tiên phong sản xuất được mặt hàng tôn lạnh AZ200 (độ mạ Aluminium-zin, hay còn gọi là hợp kim nhôm kẽm đạt tới 200 gram), trong khi đó, các doanh nghiệp khác mới chỉ dừng lại ở dòng sản phẩm AZ150. Tương tự với nhóm sản phẩm tôn lạnh màu, Tôn Đông Á đã sản xuất & cung cấp cho các công trình công nghiệp, các dự án lớn đòi hỏi khắc khe về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm & số năm bảo hành lên đến 50 năm. Chính vì thế, Tôn Đông Á có thể dễ dàng độc chiếm vị trí số một trong phân khúc tầm cao của thị trường mà hiện tại đang phụ thuộc nhiều vào nguồn cung từ nước ngoài.

Về mạng lưới phân phối, Tôn Đông Á chủ yếu bán B2B (Business-to-Business). Với mạng lưới phân phối rộng khắp cả nước với khoảng gần 1.700 đại lý bán hàng. Trong 28 năm hoạt động, Công ty đã thể hiện khả năng thích ứng vượt trội trước những biến động của thị trường và tiếp tục giữ thị phần trong nước. Sản lượng và doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng ổn định, và vị thế thương hiệu được củng cố. Sở hữu dây chuyền mạ hiện đại (công suất 800.000 tấn/năm), công ty đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế (JIS, ASTM, BS EN), cung cấp sản phẩm chất lượng cao, bền, chống ăn mòn, phục vụ xuất khẩu và thị trường nội địa. Thương hiệu KING/WIN/SVIET ở phân khúc cao cấp giúp TDA gia tăng hiện diện tại các thị trường đòi hỏi chất lượng khắt khe.

Công ty ứng dụng công nghệ tiên tiến, tiếp tục duy trì và phát triển đạt chứng nhận quốc tế, và triển khai quy trình “tiết kiệm năng lượng – giảm phát thải”, tạo lợi thế trong xu hướng phát triển bền vững (EU CBAM). Cùng với Hệ thống phân phối mạnh mẽ và uy tín thương hiệu giúp công ty chiếm thị phần tôn mạ lớn tại thị trường nội địa, đồng thời mở rộng tại các thị trường quốc tế tiềm năng, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định.

10.7.2. Triển vọng phát triển ngành

Ngành thép Việt Nam được kỳ vọng bước vào giai đoạn phục hồi và tăng trưởng từ năm 2026, sau chu kỳ suy giảm 2022–2024 với động lực chính đến từ sự gia tăng mạnh mẽ của đầu tư công và sự cải thiện dần của thị trường bất động sản. Việc Chính phủ đẩy mạnh triển khai các dự án hạ tầng quy mô lớn như cao tốc, sân bay, cảng biển và hệ

thống giao thông đô thị dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thép xây dựng trong trung và dài hạn. Đồng thời, mặt bằng giá thép được kỳ vọng ổn định và có xu hướng hồi phục nhờ cân bằng cung – cầu tốt hơn, cùng với việc các biện pháp phòng vệ thương mại tiếp tục được duy trì nhằm bảo vệ sản xuất trong nước. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp thép có năng lực sản xuất quy mô lớn, chuỗi giá trị hoàn chỉnh và thị phần nội địa vững chắc sẽ có cơ hội cải thiện sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận. Theo Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), ngành thép Việt Nam năm 2026 được dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ 8-10%, dự báo sản xuất thép thành phẩm giai đoạn này sẽ đạt khoảng 33-34,5 triệu tấn, và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước ước đạt khoảng 26 triệu tấn.

Trong trung và dài hạn, ngành thép Việt Nam được đánh giá còn nhiều dư địa tăng trưởng nhờ nhu cầu nội địa tiếp tục mở rộng, khi mức tiêu thụ thép bình quân đầu người vẫn ở mức thấp so với các quốc gia phát triển. Xu hướng chuyển dịch sang sản xuất thép chất lượng cao, tự chủ nguồn nguyên liệu và phát triển các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao sẽ góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, yêu cầu về phát triển bền vững và giảm phát thải, đặc biệt trong bối cảnh các cơ chế như thuế carbon tại thị trường xuất khẩu ngày càng được siết chặt, sẽ thúc đẩy ngành thép đẩy nhanh quá trình “xanh hóa” và đổi mới công nghệ. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng của ngành vẫn phụ thuộc đáng kể vào diễn biến kinh tế vĩ mô, tốc độ phục hồi của thị trường bất động sản cũng như các rủi ro liên quan đến chính sách thương mại quốc tế và cạnh tranh từ thép nhập khẩu.

Ở thị trường quốc tế, nhu cầu thép khu vực Đông Nam Á được dự báo tăng trưởng nhờ dòng vốn FDI đổ vào sản xuất, đặc biệt tại Việt Nam, Indonesia và Thái Lan. Trong khi đó, xu hướng chuyển đổi xanh (CBAM – Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon của EU) đang trở thành yếu tố định hình lại chuỗi giá trị ngành thép, buộc các doanh nghiệp phải đầu tư công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và nâng cao tiêu chuẩn chất lượng để duy trì năng lực cạnh tranh.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Ngành thép và tôn mạ Việt Nam có triển vọng tăng trưởng nhờ nhu cầu nội địa và đầu tư cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, Tôn Đông Á luôn chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và chủ động ứng phó với biến động giá nguyên liệu để duy trì sự phát triển bền vững trong bối cảnh cạnh tranh và thách thức hiện tại. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã thực hiện cải tiến trong cơ cấu tổ chức nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động. Đầu tư nghiên cứu các sản phẩm, quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Công ty đã áp dụng và tiếp tục đầu tư các công nghệ và quy trình tiên tiến, đạt chứng nhận ISO 50001:2018 (quản lý năng lượng) và ISO 14064-1:2018 (kiểm kê khí nhà kính) và các tiêu chuẩn khác, sẵn sàng đáp ứng tiêu chuẩn “thép xanh”, mở rộng cơ hội xuất khẩu và nâng cao cạnh tranh quốc tế.

10.8. Hoạt động Marketing

Tôn Đông Á rất chú trọng hoạt động marketing đa phương tiện nhằm quảng bá thương hiệu Tôn Đông Á cũng như các sản phẩm của Công ty qua một số kênh truyền thông như: quảng cáo truyền hình, truyền thanh, quảng cáo ngoài trời, báo chí, tài trợ xã hội, tổ chức sự kiện offline và xây dựng hệ thống truyền thông nội bộ.

Hoạt động truyền hình và thể thao: Giải đua xe đạp toàn quốc tranh cúp Truyền hình TP.HCM HTV – TÔN ĐÔNG Á 2016 – 2017 – 2018 – 2021 – 2022 – 2023 – 2024 – 2025 – 2026



Quảng cáo ngoài trời

Đội ngũ marketing của Tôn Đông Á đã và đang tiếp tục thực hiện các quảng cáo trên toàn quốc, liên tục cập nhật thiết kế đồng bộ để thương hiệu có thể dễ dàng được nhận diện hơn.



Báo chí

Tôn Đông Á thực hiện quảng cáo cả trên báo giấy và báo điện tử, đồng bộ về thiết kế trên khắp các phương tiện truyền thông. Các hoạt động báo chí tập trung truyền thông cho các sự kiện, tài trợ thiện nguyện, các hoạt động thông báo thông tin về hoạt động của Tôn Đông Á.



Hoạt động xã hội

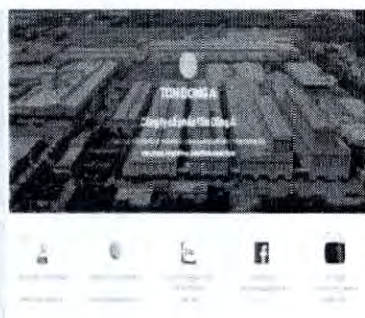
Tôn Đông Á định hướng đồng hành, hỗ trợ phát triển bền vững của xã hội trên nhiều phương diện, bằng việc tập trung vào các định hướng chính: xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng; hỗ trợ phát triển nền giáo dục; phát triển cộng đồng; tạo dựng hậu phương vững chắc; tạo nên mạng lưới cộng đồng cùng lan tỏa, sẻ chia. Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển 28 năm, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội với hơn 54 tỷ đồng. Các hoạt động cụ thể như:

- Hỗ trợ giáo dục
- Xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ cộng đồng
- Hoạt động tình nguyện và tri ân:
- Hỗ trợ gia đình chính sách và quân đội:



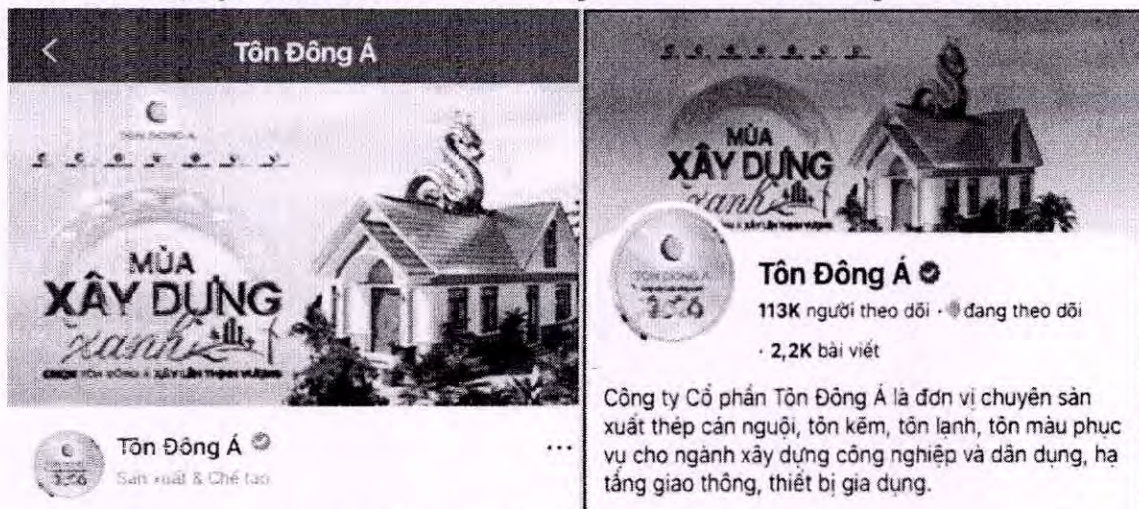
Website

Đây là cổng thông tin để khách hàng, đối tác và nhà đầu tư tiếp cận các thông tin mới nhất về sản phẩm, dây chuyền, hoạt động sản xuất, tin tức truyền thông... Ngoài ra, Tôn Đông Á triển khai tích hợp QR code vào standee để bàn để truyền thông về các hệ sinh thái Tôn Đông Á hiện có như Facebook, Youtube, Zalo



Tiếp thị kỹ thuật số (Digital marketing)

Hệ thống tiếp thị kỹ thuật số của Tôn Đông Á gồm 3 kênh chính Facebook, Youtube và Zalo. Đặc biệt fanpage Facebook của Tôn Đông Á đã trên 113.000 người theo dõi.



Các hoạt động trên các kênh kỹ thuật số chủ yếu nội dung nổi bật về sản phẩm, đây chuyển của Tôn Đông Á. Ngoài ra, Tôn Đông Á xây dựng thêm nội dung về các sự kiện, lễ hội trong năm, minigame tặng quà.

Sự kiện, Đào tạo khách hàng

Sự kiện của Tôn Đông Á là hoạt động kết nối giữa khách hàng, đối tác với doanh nghiệp. Tôn Đông Á thường tổ chức các hội nghị khách hàng, sự kiện ra mắt sản phẩm và chuỗi cửa hàng KINGSHOP, WINSHOP.....

Tôn Đông Á thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo khách hàng về kiến thức sản phẩm, cập nhật những xu hướng mới. Những chương trình này không chỉ nâng cao uy tín về thương hiệu và dịch vụ của Công ty mà còn giúp các khách hàng có cái nhìn tổng quát và hiểu biết hơn về môi trường kinh doanh.



Bộ nhận diện thương hiệu

Tôn Đông Á là doanh nghiệp duy nhất trong ngành tôn có một bộ nhận diện thương hiệu đồng bộ không chỉ trong việc gây dựng sản phẩm mà còn tạo dựng dấu ấn thương hiệu đối với các ấn phẩm khác.

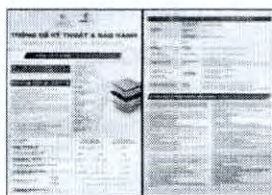
Dòng sản phẩm thuộc kênh chuyên ngành:

Cao cấp & Chuyên ngành KINGMAX					
 KINGMAX PVDF	 KINGMAX LEED	 KINGMAX CLEAN	 KINGMAX PANEL	 KINGMAX METALLIC	 KINGMAX SMP

Dòng sản phẩm thuộc kênh dân dụng:

Chất lượng cao		Tiêu chuẩn cao		Tiêu chuẩn	
KINGALUZIN (KING LẠNH)	KINGCOLOR (KING MÀU)	WINALUZIN (WIN LẠNH)	WINCOLOR (WIN MÀU)	SVIETALUZIN (S VIỆT LẠNH)	SVIETCOLOR (S VIỆT MÀU)
 KINGALUZIN KING LẠNH	 KINGCOLOR KING MÀU	 WINALUZIN WIN LẠNH	 WINCOLOR WIN MÀU	 SVIETALUZIN S VIỆT LẠNH	 SVIETCOLOR S VIỆT MÀU

Bộ công cụ bán hàng (POSM)



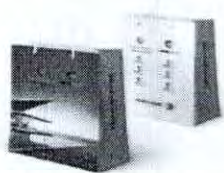
Bảng thông số kỹ thuật



Hồ sơ năng lực



Brochure KINGMAX



Túi giấy KINGMAX



Bìa đựng tôn màu



Bảng màu KINGMAX CLEAN



Tờ công bố KINGMAX



BACKDROP ĐÀO TẠO



THIỆP MỜI



CHỨNG NHẬN ĐÀO TẠO



ÁO KHOÁC



VIẾT BÌ CAO CẤP



ÁO MƯA



NÓN BẢO HIỂM

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Ban lãnh đạo GDA nhận thức rõ thương hiệu là tài sản quý giá của GDA, vì vậy việc xây dựng và phát triển thương hiệu luôn được quan tâm.

Thương hiệu đăng ký: TÔN ĐÔNG Á

Logo Công ty:



Hình 19: Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

DANH MỤC CHỨNG NHẬN BẢO HỘ THƯƠNG HIỆU					
Logo Tôn Đông Á				Cuộn tôn mẫu	
TON DONG A					
KINGSHOP				KINGMAX	
		KINGSHOP			KINGMAX
KINGALUZIN				KINGCOLOR	
		KINGALUZIN			KINGCOLOR
WINALUZIN				WINCOLOR	
		WINALUZIN			WINCOLOR
SVIETALUZIN				SVIETCOLOR	
		SVIETALUZIN			SVIETCOLOR

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Tôn Đông Á đặt chiến lược trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu của Việt Nam về ngành thép lá mạ. Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao. Tôn Đông Á chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường theo tinh thần của slogan “cùng xây cuộc sống xanh”.

Công ty định hướng đẩy mạnh đầu tư phát triển nguyên liệu đầu nguồn, mở rộng các sản phẩm thép lá mạ ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, thiết bị gia dụng, ô tô, công nghiệp, giao thông vận tải.

Bên cạnh đó, xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn, minh bạch, gìn giữ uy tín, kích thích sự sáng tạo, thúc đẩy học hỏi và tăng trưởng, tích cực tham gia các hoạt động phát triển vì cộng đồng.

Với phương châm “An toàn, chất lượng, hiệu quả, thân thiện môi trường”, Tôn Đông Á quyết tâm trở thành một doanh nghiệp năng động, hoạt động có năng suất cao, lấy chất lượng sản phẩm và hiệu quả tổ chức quản lý làm yếu tố cạnh tranh, sản xuất các sản phẩm đạt các tiêu chuẩn quốc tế, bảo vệ môi trường, tối đa hóa giá trị gia tăng cho khách hàng, hướng đến phát triển bền vững.

Từ năm 2024, TDA sản xuất thành công dòng sản phẩm tôn lạnh mạ màu đáp ứng cho ứng dụng nội thất (hệ thống HAVC) và cải tiến chất lượng hàng GI cho ứng dụng tủ lạnh, máy giặt....

Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu và phát triển đa dạng hóa sản phẩm sang thép chuyên biệt (thiết bị gia dụng, nội thất, xe hơi), mở rộng phân khúc cao cấp, và củng cố thương hiệu.

Trong năm 2025 – 2026 Công ty tiếp tục nghiên cứu đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản để thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh.

Bên cạnh đó, Tôn Đông Á cũng sẽ thúc đẩy các dự án đầu tư quốc tế nhằm mở rộng mạng lưới phân phối và xây dựng thương hiệu Tôn Đông Á trên thị trường toàn cầu, hướng tới sự phát triển bền vững lâu dài.

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Các chiến lược ngắn hạn của Công ty

Triển vọng ngành thép giai đoạn 2026 - 2027 được kỳ vọng từ động lực đến từ các dự án cơ sở hạ tầng và khu công nghiệp được dự báo sẽ là động lực chính thúc đẩy nhu cầu thép mạ tại Việt Nam và khu vực ASEAN.

Trong năm 2026 - 2027, Tôn Đông Á sẽ tiếp tục tập trung vào việc củng cố vị thế trong ngành thép thông qua các chiến lược tăng trưởng bền vững, đổi mới sản phẩm và mở rộng thị trường. Định hướng hoạt động kinh doanh của công ty sẽ bao gồm các yếu tố chủ chốt sau:

- Công ty sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất và cung cấp các sản phẩm thép chất lượng cao, đặc biệt là các sản phẩm có biên lợi nhuận cao. Tôn Đông Á sẽ tận dụng tối đa công suất sản xuất hiện tại và tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất để tối ưu hóa hiệu quả và giảm thiểu chi phí.
- Công ty sẽ duy trì nguyên tắc thận trọng, cơ cấu lại vốn vay ở mức hợp lý, giảm thiểu tác động rủi ro lãi suất và biến động tỷ giá. Bên cạnh đó, công ty sẽ tăng cường dự báo giá nguyên vật liệu kết hợp chính sách tồn kho phù hợp với thị trường nhằm giữ biên lợi nhuận.
- Tôn Đông Á sẽ mở rộng mạng lưới phân phối và thâm nhập vào các thị trường quốc tế mới, đặc biệt là các khu vực có tiềm năng lớn nhưng ít cạnh tranh. Công ty

cũng sẽ tăng cường phát triển tại các phân khúc thị trường ít bão hòa và chủ động khai thác các cơ hội kinh doanh tại các thị trường đang phát triển mạnh mẽ.

- Tôn Đông Á sẽ tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và phát triển sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thép mạ và thép chất lượng cao đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Công ty cũng sẽ ứng dụng công nghệ mới để cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và giảm thiểu tác động môi trường.
- Công ty sẽ chú trọng phát triển các chương trình chăm sóc khách hàng, nhằm gia tăng sự hài lòng và trung thành của khách hàng. Các chiến lược marketing và dịch vụ khách hàng sẽ được củng cố để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng trong và ngoài nước.
- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống quản lý, sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế để đáp ứng chuẩn mực “thép xanh,” tạo lợi thế khi xuất khẩu sang thị trường phát triển.
- Duy trì trách nhiệm xã hội và văn hóa doanh nghiệp nhân văn, duy trì các chương trình phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và đóng góp tích cực cho cộng đồng.

Với những chiến lược đặt ra, Công ty sẽ tận dụng tiềm lực sẵn có và ngày càng nâng cao cho mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời linh hoạt cân chỉnh và phát huy khi có cơ hội tốt. Năm 2026 - 2027, Công ty kỳ vọng tiếp tục duy trì kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tận dụng những lợi thế về sản phẩm, chất lượng, thị phần và hệ thống mạng lưới phân phối để tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.

10.11.2. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực bất động sản:

Kế hoạch năm 2027-2030: Công ty đặt mục tiêu hoàn thiện và khởi động Nhà máy Phú Mỹ 3 (nhà máy thứ 4) giai đoạn 1 với 300 nghìn tấn/năm (tổng công suất Nhà máy thứ 4 thiết kế đạt 1,2 triệu tấn/năm), mở rộng danh mục sản phẩm sản xuất, đáp ứng nhu cầu thị trường tăng trưởng (kỳ vọng 6-8%/năm). Công ty sẽ đa dạng hóa sản phẩm sang thép chuyên biệt (thiết bị gia dụng, nội thất, xe hơi), mở rộng phân khúc cao cấp, và củng cố thương hiệu. Tôn Đông Á tiếp tục kiên định với chiến lược “Chất lượng – Uy tín – Bền vững”, tăng cường xuất khẩu, đa dạng hóa mạng lưới bán hàng, và trở thành nhà sản xuất tôn mạ hàng đầu Việt Nam và quốc tế.

Tiếp tục chiến lược đầu tư chiều sâu, phát triển sản lượng sản xuất, công nghệ, và mở rộng danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu cao của các ngành nghề xây dựng, công nghiệp, chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn, minh bạch, gìn giữ uy tín, kích thích sự sáng tạo, thúc đẩy học hỏi và tăng trưởng, tích cực tham gia các hoạt động phát triển vì cộng đồng.

Chiến lược mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh bên cạnh hoạt động kinh doanh cốt lõi:

Trong định hướng phát triển dài hạn, Công ty tiếp tục xác định hoạt động sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép, tôn mạ là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là nền tảng cho sự

phát triển bền vững của Công ty. Trên cơ sở năng lực tài chính, kinh nghiệm quản trị và nguồn lực tích lũy trong quá trình hoạt động, Công ty đồng thời từng bước mở rộng phạm vi đầu tư, kinh doanh sang một số lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng, trong đó có lĩnh vực bất động sản thông qua việc thành lập và đầu tư vào các công ty con chuyên trách.

Việc mở rộng hoạt động đầu tư, kinh doanh được Công ty định hướng theo nguyên tắc đa dạng hóa có chọn lọc, phù hợp với năng lực và kiểm soát rủi ro, nhằm tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường, đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực trong dài hạn. Đối với lĩnh vực bất động sản, Công ty định hướng triển khai thông qua các công ty con nhằm tạo sự chuyên môn hóa trong quản lý và vận hành, đồng thời từng bước tích lũy năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực mới. Các dự án và cơ hội đầu tư sẽ được xem xét trên cơ sở tính pháp lý, tiềm năng thị trường, hiệu quả kinh tế, nhu cầu vốn, khả năng triển khai và mức độ phù hợp với định hướng phát triển chung của Công ty.

10.12. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan, trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện

Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Tình hình lao động trong Công ty năm 2024 và 2025

Loại lao động	Số lượng năm 2024 (người)	Số lượng năm 2025 (người)
Phân theo trình độ học vấn		
- Trình độ đại học và trên đại học	352	332
- Trình độ cao đẳng và trung cấp	534	458
- Đối tượng khác	595	577
Phân theo thời hạn hợp đồng		
- Không xác định thời hạn	1.144	1.109
- Có thời hạn	337	258
Tổng cộng	1.481	1.367

Nguồn: GDA

- Số lượng người lao động bình quân trong 02 năm liên tục (2024-2025) trước năm đăng ký niêm yết là: 1.424 người.

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách đào tạo và phát triển

TDA luôn tập trung vào việc nâng cao kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ nhân viên ở tất cả các bộ phận công tác. Ban lãnh đạo công ty khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ nhân viên phát triển toàn diện, không chỉ về chuyên môn mà còn về kỹ năng mềm. Điều này được thực hiện thông qua các chương trình đào tạo chính thức, tự học và trao đổi kiến thức giữa các thành viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ, các lớp học nâng cao tay nghề và bậc kỹ thuật, khuyến khích việc học hỏi và sáng tạo trong công việc sản xuất, từ đó hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của công ty.

TDA chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua các chiến lược đào tạo bài bản và việc xây dựng các quy trình, chính sách nhân sự. Công ty đã ban hành các quy chế và quy trình tuyển dụng rõ ràng, cũng như cơ chế thu hút và đãi ngộ người lao động hợp lý để giữ chân nhân tài. Ngoài ra, công ty cũng thực hiện các chính sách hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các đối tác chiến lược nhằm áp dụng những kiến thức mới vào thực tiễn sản xuất và kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.

Công ty luôn xem con người là tài sản vô giá và đã không ngừng đầu tư, triển khai các chương trình đào tạo và phát triển năng lực định kỳ cho nhân viên, tạo điều kiện cho nhân viên cập nhật các kiến thức và kỹ năng về kỹ thuật, công nghệ mới để chủ động, kịp thời thích nghi với các thay đổi nhanh chóng trong công việc, góp phần quan trọng cho chiến lược hoạt động, phát triển bền vững của công ty.

❖ Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Công ty đã xây dựng chính sách và quy chế trả lương thưởng rõ ràng, công bằng, minh bạch và tuân thủ pháp luật lao động. Bên cạnh đó công ty cũng quan tâm tới nhiều khía cạnh đời sống của nhân viên và gia đình của người lao động, cụ thể như chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe chất lượng cao cho tất cả Cán bộ công nhân viên, tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, tổ chức tham quan du lịch, tất niên, tặng quà sinh nhật và quà các dịp lễ, trao tặng bằng khen, trao tặng học bổng học tập cho con của nhân viên và rất nhiều các hoạt động khác để giúp nhân viên cảm thấy hạnh phúc hơn và có cảm giác luôn là một thành viên thuộc về tổ chức.

❖ Chính sách tuyển dụng

Tôn Đông Á luôn coi con người chính là nhân tố đóng vai trò quan trọng nhất trong mỗi tổ chức. Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của một doanh nghiệp.

Mục tiêu của Tôn Đông Á:

- Xác định và tuyển dụng những ứng viên tài năng và phù hợp với văn hóa, mục tiêu phát triển của công ty.

- Đào tạo, phát triển một đội ngũ nhân viên đa dạng và có năng lực cao để đảm bảo sự thành công bền vững của công ty.

Nguyên tắc chính:

- Công bằng và đa dạng
- Trách nhiệm
- Minh bạch
- Tôn trọng
- Chính trực

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Với mục tiêu chú trọng đầu tư và phát triển nguồn nhân lực dài hạn, Công ty đã chứng tỏ được sự thành công qua nhiều năm hoạt động kinh doanh với trọng tâm tập trung vào yếu tố con người. Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (gọi tắt là “**ESOP**”) đã được Công ty nghiên cứu, đề xuất lần đầu tiên (kể từ khi trở thành công ty đại chúng) tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 07/2025/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 12/06/2025. Công ty dự kiến phát hành cổ phiếu ESOP theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua vào năm 2026. Công ty sẽ xây dựng quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động phù hợp với các quy định liên quan trước thời điểm nộp hồ sơ phát hành.

12. Chính sách cổ tức

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công Ty, các văn bản pháp lý khác và các quy định nội bộ có liên quan. Kết thúc năm tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Bên cạnh đó, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý. Việc chi trả cổ tức được thực hiện căn cứ tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định của HĐQT sau khi đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Tỉ lệ trả cổ tức	- 10% tiền mặt	- 10% tiền mặt (*) - 30% bằng cổ phiếu (**)	- 10% tiền mặt - 10% bằng cổ phiếu (***)	- Dự kiến Tối đa 10%/ mệnh giá, bằng tiền mặt hoặc/và cổ

				phiếu (***)
--	--	--	--	-------------

(*) Đã thực hiện chi vào ngày 12/06/2025

(**) Đã thực hiện vào ngày 27/08/2025

(***) Được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 29/05/2026, dự kiến thực hiện trong năm 2026

và (****) Được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 29/05/2026, dự kiến thực hiện trong năm 2027

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết

Thông tin về các trái phiếu chưa đáo hạn của Công ty

TT	Mã trái phiếu	Loại trái phiếu	Ngày đến hạn	Dư nợ tại thời điểm 30/06/2026 (VND)
1	TDACB01_2014	Trái phiếu chuyển đổi, không đảm bảo	28/04/2028	55.685.663.962

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết và việc niêm yết cổ phiếu.

Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết và việc niêm yết cổ phiếu.

15. Thông tin về cam kết của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

- 16. Thông tin về việc Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.**

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2024, 2025 và 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm 2025/ 2024	06 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản (*)	12.938.967	11.900.567	-8,03%	11.949.518
Doanh thu thuần	19.135.849	15.310.376	-19,99%	6.654.699
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	392.938	360.183	-8,34%	183.845
Lợi nhuận khác	35.132	(4.251)	-112,10%	(50)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	428.070	355.932	-16,85%	183.795
Lợi nhuận sau thuế	341.769	271.907	-20,44%	142.222
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	134,2%	N/A	N/A	N/A

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

(*) Thông tin về khoản tiền thuê đất trả trước:

Bên dưới là số dư khoản tiền thuê đất tại các địa điểm sản xuất và hoạt động kinh doanh của Công ty, trả trước 1 lần và phân bổ dần vào chi phí. Cụ thể như sau.

Đơn vị: triệu đồng

Thông tin	Địa điểm	Mục đích thuê	Thời gian thuê	31/12/2025
Khu Công nghiệp Vsip Bắc Ninh	Số 36, Đường 5, Vsip Bắc Ninh, xã Đại Đồng, Tỉnh Bắc Ninh	Xây nhà xưởng	Từ 30/5/2017 đến 30/11/2057	2.971
Khu Công nghiệp Nhựt Chánh	Đường số 4, KCN Nhựt Chánh, xã Bình Đức, Tỉnh Tây Ninh	Xây nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà kho	Từ 19/4/2016 đến 05/08/2057	13.230
Khu Công nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3	Đường D3, Khu Công Nghiệp Chuyên Sâu Phú Mỹ 3, P.Tân Phước, TP.HCM	Xây nhà máy sản xuất các sản phẩm thép	Từ 03/01/2025 đến 21/12/2077	89.260
Khu Công nghiệp Sóng Thần 1	Số 5, đường số 5, KCN Sóng Thần 1, P. Dĩ An, TP.HCM.	Xây nhà xưởng sản xuất, kinh doanh	Từ 12/12/2003 đến 09/10/2045	15.121
Khu Công nghiệp Đồng An 2	Đường D4, KCN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM.	Xây nhà xưởng	Từ 24/05/2012 đến T5/2056	98.247
Khu Công nghiệp Sóng Thần 3	Đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, P. Bình Dương, TP.HCM	Xây nhà xưởng sản xuất, kinh doanh	Từ 06/09/2017 đến 31/12/2055	50.605
Tổng cộng				269.434

Nguồn: GDA

Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ năm 2024, 2025 và 06 tháng đầu năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm 2025/ 2024	06 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	12.725.469	11.475.982	-9,82%	11.557.900
Doanh thu thuần	18.942.273	15.174.560	-19,89%	7.523.739
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	350.794	309.951	-11,64%	177.857
Lợi nhuận khác	8.037	(2.626)	-132,67%	43
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	358.831	307.325	-14,35%	177.900
Lợi nhuận sau thuế	284.777	231.992	-18,54%	140.440
Tỷ lệ cổ tức	- 10% tiền mặt - 30% bằng cổ phiếu	- 10% tiền mặt - 10% bằng cổ phiếu	N/A	N/A

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 đã được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

Năm 2024, Công ty cổ phần Tôn Đông Á đã ghi dấu ấn mạnh mẽ trên thị trường với những thành tựu đáng khích lệ. Với Tổng tài sản của công ty tăng 12,10%, đạt mức 12.939 tỷ đồng, đến từ tài sản ngắn hạn do hàng tồn kho tăng, trong khi tài sản dài hạn giảm do khấu hao tài sản. Doanh thu thuần tăng trưởng 9,76%, đạt 19.136 tỷ đồng đến từ việc sản lượng tăng cao cho các thị trường xuất khẩu và khả năng tăng thị phần ngày càng được nâng cao. Sự tăng trưởng này đến từ nhu cầu xuất khẩu tăng do các chuỗi cung ứng ảnh hưởng bởi xung đột địa chính trị, và cơ cấu sản phẩm cải thiện với tỷ trọng sản phẩm giá trị gia tăng cao.

Đặc biệt, hiệu quả kinh doanh của TDA được cải thiện rõ nét qua các khoản lợi nhuận. Năm 2024, lợi nhuận gộp tăng trưởng 28,34%, đạt 1.449 tỷ đồng, nhờ sản lượng và giá bán xuất khẩu tăng trưởng, tỷ giá thuận lợi, và giá đầu vào HRC. Tốc độ tăng lợi nhuận gộp cao hơn đáng kể so với doanh thu (28,34% so với 9,76%) nhờ sự thuận lợi kép đến từ việc năng suất dây chuyền sản xuất được tối ưu, giá bán xuất khẩu, tỷ giá tăng cao, và chi phí nguyên liệu đầu vào giảm bởi thị trường nội địa Trung Quốc suy yếu. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh cả năm 2024 cũng tăng 27,18% so với cùng kỳ đạt 393 tỷ đồng, được hỗ trợ bởi tiết giảm chi phí quản lý và năng suất sản xuất tăng.

Kết thúc năm 2025, tổng giá trị tài sản đạt 11.901 tỷ đồng. Tổng doanh thu thuần ghi nhận 15.310 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế thu về gần 272 tỷ đồng đạt 90,65% kế hoạch năm. Năm 2025, Công ty ghi nhận giảm về Tổng tài sản 8% với 1.038 tỷ đồng so với cùng kỳ, điểm sáng nổi bật nằm ở công tác quản trị hàng tồn kho với mức giảm mạnh hơn 1.000 tỷ đồng, giảm thiểu rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Doanh thu thuần giảm 19,99% trong khi lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chỉ giảm ở mức 8,34% ít hơn so với mức giảm doanh thu, Kết quả này cho thấy nỗ lực quyết liệt của Ban Điều hành trong việc tiết giảm chi phí quản lý và chi phí bán hàng để duy trì sự ổn định cho hoạt động cốt lõi. Công ty đã có sự chủ động trong kiểm soát chi phí và duy trì hiệu quả vận hành. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 272 tỷ đồng, giảm 20,5% so với mức 342 tỷ đồng của năm 2024. Sự sụt giảm này một phần nhỏ đến từ việc các khoản lợi nhuận khác không còn đóng góp đáng kể như năm trước.

Tổng doanh thu thuần trong sáu tháng đầu năm 2026 ghi nhận mức 6.655 tỷ đồng. Điểm nhấn trong kỳ tiếp tục đến từ nỗ lực duy trì hiệu quả của mảng kinh doanh cốt lõi, với lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt gần 184 tỷ đồng. Tương tự như xu hướng của năm 2025, các khoản lợi nhuận khác ghi nhận mức âm nhẹ (khoảng 50 tỷ đồng). Mặc dù vậy, nhờ sự quyết liệt của Ban Điều hành trong việc chủ động kiểm soát chi phí và duy trì sự ổn định của hệ thống vận hành, tổng lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2026 của Công ty đạt mức hơn 142 tỷ đồng, đạt 57% kế hoạch kinh doanh của năm, điều này phản ánh khả năng sinh lời vững chắc từ chính hoạt động cốt lõi.

- Các chỉ tiêu khác để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ theo đặc điểm ngành hoạt động: không có
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- a. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký niêm yết

❖ Thuận lợi

Trong giai đoạn 2024–2025, hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được hỗ trợ bởi sự phục hồi của nền kinh tế trong nước, trong đó đầu tư công và phát triển hạ tầng tiếp tục là động lực tăng trưởng chủ đạo. Việc Chính phủ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt đối với các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, khu công nghiệp và logistics, đã góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ thép và các sản phẩm tôn mạ phục vụ xây dựng, qua đó giúp các doanh nghiệp trong ngành duy trì sản lượng tiêu thụ ổn định và có xu hướng tăng trưởng.

Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu tôn mạ của Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự phục hồi tích cực trong năm 2024 và duy trì đà tăng trong năm 2025, đặc biệt tại các thị trường chủ lực như Đông Nam Á, châu Âu và Bắc Mỹ. Việc tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, điển hình như EVFTA, đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng thị trường, gia tăng doanh thu xuất khẩu và cải thiện cơ cấu khách hàng. Đồng thời, mặt bằng giá thép cuộn cán nóng (HRC) có xu hướng điều chỉnh giảm trong giai đoạn cuối năm 2023 và duy trì ở mức hợp lý trong phần lớn năm 2024, qua đó giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí đầu vào và cải thiện biên lợi nhuận. Trong một số thời điểm cao điểm năm 2024 và đầu năm 2025, nhu cầu và giá bán tại các thị trường xuất khẩu có sự cải thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp duy trì giá bán và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ của Chính phủ như điều hành lãi suất theo hướng nới lỏng, các chương trình kích cầu và hỗ trợ doanh nghiệp đã góp phần cải thiện khả năng tiếp cận vốn, giảm áp lực chi phí tài chính và tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất. Đáng chú ý, việc áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm tôn mạ nhập khẩu từ Trung Quốc và Hàn Quốc từ tháng 8/2025 được kỳ vọng sẽ góp phần bảo vệ thị trường nội địa, giảm áp lực cạnh tranh từ hàng nhập khẩu giá rẻ và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong nước gia tăng thị phần.

Song song đó, xu hướng chuyển dịch sang sản xuất “xanh” và phát triển bền vững trong ngành thép, đặc biệt dưới tác động của Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu đã bước vào giai đoạn chuyển tiếp từ tháng 10/2023, đang thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao tiêu chuẩn quản trị, đầu tư công nghệ sạch và tối ưu hóa quy trình sản xuất. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để các doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững, như Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường xuất khẩu và gia tăng giá trị thương hiệu trong dài hạn.

6 tháng đầu năm 2026, ngành thép Việt Nam ghi nhận tín hiệu tích cực với sự cải thiện rõ nét về sản lượng và tiêu thụ. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam, sản lượng thép thô trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 15,18 triệu tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước, thị trường tôn mạ trong nước tiếp tục được hỗ trợ bởi nhu cầu từ hoạt động xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển khu công nghiệp và sản xuất công nghiệp. Đồng thời, nhu cầu tại một số thị trường xuất khẩu vẫn được duy trì, cùng với lợi thế từ mạng lưới các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia,

tiếp tục tạo cơ hội cho các doanh nghiệp tôn mạ đa dạng hóa thị trường và cơ cấu sản phẩm. Trong bối cảnh nhu cầu thị trường có sự phân hóa, các doanh nghiệp có năng lực sản xuất ổn định, hệ thống phân phối rộng, khả năng đáp ứng đa dạng tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm có lợi thế trong việc duy trì khách hàng và nâng cao khả năng cạnh tranh

❖ **Khó khăn**

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong giai đoạn 2024–2025 cũng chịu tác động từ nhiều yếu tố bất lợi của môi trường kinh tế vĩ mô và ngành. Kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với các rủi ro như lạm phát duy trì ở mức cao tại một số khu vực, chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài, căng thẳng địa chính trị và gián đoạn chuỗi cung ứng, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu và hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.

Trong nước, mức độ cạnh tranh trong ngành thép và tôn mạ tiếp tục ở mức cao, đến từ cả nguồn cung nội địa gia tăng và áp lực từ các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ, đặc biệt từ Trung Quốc. Điều này buộc các doanh nghiệp phải liên tục điều chỉnh chính sách giá bán, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm duy trì năng lực cạnh tranh, qua đó ảnh hưởng nhất định đến biên lợi nhuận.

Ngoài ra, các doanh nghiệp trong ngành còn phải đối mặt với gia tăng các rào cản thương mại tại các thị trường xuất khẩu, bao gồm các biện pháp phòng vệ thương mại và yêu cầu khắt khe về truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn môi trường và phát thải (đặc biệt là CBAM tại thị trường châu Âu). Những yếu tố này không chỉ làm gia tăng chi phí tuân thủ mà còn ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về giá của sản phẩm tôn mạ Việt Nam trên thị trường quốc tế.

Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là giá thép cuộn cán nóng (HRC) trên thị trường quốc tế cũng tạo ra áp lực đáng kể lên chi phí sản xuất và kế hoạch cung ứng nguyên liệu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, yêu cầu đầu tư nâng cấp công nghệ, chuyển đổi sản xuất theo hướng xanh đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi hiệu quả mang lại trong ngắn hạn chưa rõ rệt, tạo áp lực lên dòng tiền và hiệu quả đầu tư.

Bên cạnh yếu tố kinh tế, các xung đột địa chính trị và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn tiếp tục gây ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu, giá dầu tăng cao, tăng chi phí logistics, tỷ giá ngoại tệ biến động và tâm lý tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu. Việc biến động chi phí vận chuyển và tỷ giá có thể làm giảm khả năng cạnh tranh về giá của doanh nghiệp Việt Nam so với các đối thủ trong khu vực, ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu của Công ty.

Cuối cùng, mặc dù thị trường bất động sản đã có dấu hiệu cải thiện, tốc độ phục hồi vẫn chưa thực sự mạnh mẽ trong giai đoạn 2024–2025, dẫn đến nhu cầu xây dựng dân dụng và thương mại chưa tăng trưởng như kỳ vọng. Đồng thời, các yếu tố như biến đổi khí hậu, chi phí năng lượng và yêu cầu về an ninh năng lượng cũng đang trở

thành những biến số mới, tác động đến chi phí vận hành và định hướng phát triển dài hạn của doanh nghiệp trong ngành.

Từ đầu năm 2026 đến nay, ngành tôn mạ tiếp tục chịu áp lực từ diễn biến không đồng đều của nhu cầu thị trường và môi trường cạnh tranh ngày càng cao. Bên cạnh đó, Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu đã chính thức bước vào giai đoạn áp dụng, làm gia tăng yêu cầu đối với các doanh nghiệp tôn mạ xuất khẩu sang thị trường châu Âu về kiểm kê, báo cáo phát thải và truy xuất nguồn gốc trong chuỗi sản xuất, đặc biệt trong bối cảnh tôn mạ là phân khúc có mức độ phụ thuộc tương đối lớn vào thị trường xuất khẩu.

- b. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:** Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- a. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh, tình hình sử dụng vốn, trích khấu hao tài sản cố định và mức lương bình quân**

- i. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Công ty cổ phần Tôn Đông Á luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Tình hình vốn của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	1.146.915	1.490.989	1.490.989
Vốn chủ sở hữu	3.815.105	3.966.990	3.934.6478
Tổng nguồn vốn kinh doanh	12.938.967	11.900.567	11.949.518

Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Tình hình vốn của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	1.146.915	1.490.989	1.490.989
Vốn chủ sở hữu	3.708.578	3.799.938	3.770.218

Tổng nguồn vốn kinh doanh	12.725.469	11.475.982	11.557.900
---------------------------	------------	------------	------------

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán 2024, 2025 và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

ii. Trích khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- Nhà cửa và vật kiến trúc : 5 – 25 năm
- Máy móc thiết bị : 5 – 15 năm
- Phương tiện vận tải : 5 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 – 8 năm
- Phần mềm máy tính : 3 – 8 năm

iii. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động trong Công ty năm 2025 là 20 triệu đồng/người/tháng. Mức lương này là tương đương so với các doanh nghiệp khác cùng Ngành trên địa bàn, dựa trên những thông tin thu thập từ nhân viên. Hiện tại Công ty không có nguồn tham khảo chính thức về mức lương bình quân đối với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng lĩnh vực.

b. Tình hình công nợ

Tình hình công nợ của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng số nợ phải thu trên BCTC hợp nhất	1.255.890	1.684.666	1.095.761
Tổng số nợ phải thu trên BCTC riêng lẻ	1.367.827	1.766.834	1.163.115
Tổng số nợ phải trả trên BCTC hợp nhất	9.123.862	7.933.576	8.014.871
Tổng số nợ phải trả trên BCTC riêng lẻ	9.016.892	7.676.044	7.787.682

Nguồn: BCTC riêng, HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng, HN bán niên soát xét năm 2026

iv. Các khoản phải thu

Bảng 10: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.242.365	1.673.178	1.084.861
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.211.559	1.506.795	984.383
Trả trước cho người bán ngắn hạn	14.342	73.698	90.368
Phải thu về cho vay ngắn hạn*	-	88.708	-
Phải thu ngắn hạn khác	47.368	35.737	38.724
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(30.904)	(31.760)	(28.614)
Các khoản phải thu dài hạn	13.525	11.488	10.900
Trả trước cho người bán dài hạn	6	6	6
Phải thu dài hạn khác	13.519	11.482	10.893
Tổng cộng	1.255.890	1.684.666	1.095.761

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

* Khoản phải thu cho vay: Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng từ ngày 01/01/2026 thay thế Thông tư 200), khoản cho vay của doanh nghiệp (cho đơn vị khác vay, cho vay ngắn hạn/dài hạn) được hạch toán chủ yếu vào Tài khoản 128 (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

• Thông tin về khoản phải thu về cho vay ngắn hạn năm 2025, cập nhật đến thời điểm hiện tại:

Đơn vị: triệu đồng

Thông tin	31/12/2025	30/06/2026
1. Ông: Ngô Văn Khởi (kỳ hạn 12 tháng từ 16/09/2025, lãi suất 6,5%/năm)	50.276	-
2. Bà: Nguyễn Thị Phương - Tại 31/12/2025: kỳ hạn 6 tháng từ 29/10/2025, lãi suất 6,5%/năm - Tại 30/06/2026: kỳ hạn 3-7 tháng từ 18/05/2026 đến 31/12/2026, lãi suất từ 7,7%/năm đến 8,5%/năm	38.953	220.801
3. Ông Hán Văn Vinh (kỳ hạn 6 tháng từ 12/05/2026, lãi suất 9%/năm)	-	5.000
Tổng cộng	89.229	225.801

Nguồn: GDA

Nghiệp vụ này được thực hiện nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn tiền mặt nhàn rỗi tạm thời, tạo thêm nguồn thu tài chính hợp pháp, gia tăng lợi ích kinh tế cho Công ty và các cổ đông. Các cá nhân trên không phải là cổ đông lớn, không giữ bất kỳ chức vụ quản lý nào và không thuộc danh sách “Người có liên quan” của người nội bộ Công ty theo quy định. Do đó, đây hoàn toàn là các giao dịch thương mại thông thường với đối tác độc lập bên ngoài, không thuộc phạm vi giao dịch với bên liên quan. Các hợp đồng cho vay ngắn hạn nêu trên được ký kết hoàn toàn phù hợp với hạn mức thẩm quyền của Ban điều hành và Hội đồng quản trị, tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động cùng Quy chế quản trị nội bộ hiện hành của Công ty, không vượt quá tỷ lệ giới hạn tài sản phải trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Trước khi thực hiện giải ngân, bộ phận quản lý rủi ro của Công ty đã tiến hành thẩm định độc lập năng lực tài chính, dòng tiền và uy tín tín dụng của các bên vay. Nguồn vốn cho vay là dòng tiền mặt nhàn rỗi từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tuyệt đối không sử dụng sai mục đích nguồn vốn huy động từ đợt phát hành chứng khoán. Việc cho vay ngắn hạn đảm bảo tính thanh khoản linh hoạt, sẵn sàng thu hồi để bổ sung kịp thời vào vốn lưu động khi hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp yêu cầu. Công ty cam kết trong thời gian tới sẽ tiếp tục hoàn thiện Quy chế kiểm soát nội bộ, tăng cường rà soát chặt chẽ hơn năng lực tài chính định kỳ của bên vay nhằm hạn chế tối đa rủi ro quá hạn.

Bảng 11: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.362.958	1.761.454	1.157.740
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.340.785	1.660.572	1.137.035
Trả trước cho người bán ngắn hạn	12.859	15.888	22.630
Phải thu về cho vay ngắn hạn*	-	88.708	-
Phải thu ngắn hạn khác	39.788	27.616	26.690
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(30.474)	(31.330)	(28.614)
Các khoản phải thu dài hạn	4.869	5.379	5.374
Phải thu dài hạn khác	4.869	5.379	5.374
Tổng cộng	1.367.827	1.766.833	1.163.115

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

* Khoản phải thu cho vay: Theo Thông tư 99/2025/TT-BTC (hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng từ ngày 01/01/2026 thay thế Thông tư 200), khoản cho vay của doanh nghiệp (cho đơn vị khác vay, cho vay ngắn hạn/dài hạn) được hạch toán chủ yếu vào Tài khoản 128 (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

• Thông tin về Phải thu ngắn hạn khách hàng

Đơn vị: triệu đồng

Tên Khách hàng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Minh Minh	83.351	169.850	122.437
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	39.105	135.212	58.920
Duferco Sa	135.401	-	-
Eusider S.P.A.	101.078	-	-
Công ty TNHH Tôn Thép Kokoro	-	139.261	122.043
Công ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	-	116.294	101.504
Khác	846.198	932.2434	570.121
Phải thu từ bên liên quan	6.427	13.934	9.358
Tổng cộng	1.211.559	1.506.795	984.383

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Tên Khách hàng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Minh Minh	65.382	148.887	122.437
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	39.105	135.212	58.920
Duferco Sa	135.401	18.052	-
Eusider S.P.A.	101.078	-	-
Công ty TNHH Tôn Thép Kokoro	-	-	121.197
Công ty TNHH Thép Hạnh Hiếu	-	-	101.504
Khác	641.747	823.265	435.849
Phải thu từ bên liên quan	358.073	535.157	297.127
Tổng cộng	1.340.785	1.660.573	1.137.035

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

• Các khoản phải thu quá hạn

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Thời gian nợ quá hạn	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	0	0	0	0	1.490	745
Trên 3 năm	30.904	0	31.760	0	27.869	0
Tổng cộng	30.904	0	31.760	0	29.359	745

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

Thời gian nợ quá hạn	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ trên 1 năm đến dưới 2 năm	0	0	0	0	1.490	745
Trên 3 năm	30.474	0	31.330	0	27.869	0
Tổng cộng	30.474	0	31.330	0	29.359	745

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

Khoản nợ quá hạn phát sinh do khách hàng chưa đảm bảo về thời hạn thanh toán, khoản nợ này Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định và tiếp tục theo dõi, làm việc với khách hàng và đôn đốc công tác thu hồi nợ.

- Thông tin chi tiết về các khoản phải thu quá hạn:

Đơn vị: triệu đồng

Thông tin	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Quá hạn thanh toán trên 3 năm			
- Totem Steel International	26.824	27.680	24.219
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Á Châu Quang Vinh	2.282	2.282	2.282
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Á Châu Lê Anh	1.368	1.368	1.368
- Khác	430	430	-
Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm			
Công ty TNHH Tân Thành - Thủ Thừa	-	-	1.490
TỔNG CỘNG	30.904	31.760	29.359

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Thông tin	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Quá hạn thanh toán trên 3 năm			
- Totem Steel International	26.824	27.680	24.219
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Á Châu Quang Vinh	2.282	2.282	2.282
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Á Châu Lê Anh	1.368	1.368	1.368
Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm			
Công ty TNHH Tân Thành - Thủ Thừa	-	-	1.490
TỔNG CỘNG	30.474	31.330	29.359

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

v. Các khoản phải trả

Bảng 12: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Nợ ngắn hạn	9.001.585	7.747.211	7.732.752
Phải trả người bán ngắn hạn	1.842.938	1.413.146	1.858.688
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	60.367	34.762	109.325
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	-	149.383
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	225.462	99.860	54.633
Phải trả người lao động	37.040	35.255	23.230
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.040	10.288	12.072
Phải trả ngắn hạn khác	2.756	5.696	5.950
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.778.798	6.101.425	5.468.985
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	42.184	46.779	50.485
Nợ dài hạn	122.277	186.364	282.118
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	66.591	186.364	226.433
Trái phiếu chuyển đổi	55.686	-	55.686
Tổng cộng	9.123.862	7.933.575	8.014.871

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 13: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Nợ ngắn hạn	8.937.123	7.651.961	7.712.292
Phải trả người bán ngắn hạn	1.841.821	1.406.139	1.915.704
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	57.084	34.254	107.639
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	-	-	149.383
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	211.110	85.002	43.561
Phải trả người lao động	30.160	26.227	17.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.633	9.001	10.864
Phải trả ngắn hạn khác	2.694	6.048	6.238
Vay ngắn hạn	6.742.457	6.040.460	5.413.550
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	40.164	44.830	48.188
Nợ dài hạn	79.769	24.083	75.390
Vay dài hạn	24.083	24.083	19.704
Trái phiếu chuyển đổi	55.686	-	55.686
Tổng cộng	9.016.892	7.676.044	7.787.682

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

• Thông tin về Phải trả người bán ngắn hạn:

Đơn vị: triệu đồng

Tên Nhà cung cấp	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Jfe Shoji Corporation	241.555	132.139	390.045
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	125.436	93.954	122.251
Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	55.883	63.517	77.150
Metal One Corporation	195.390	-	-
Các bên khác	512.177	222.777	431.058

Phải thu từ bên liên quan	712.497	900.759	838.185
Tổng cộng	1.842.938	1.413.146	1.858.688

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Đơn vị: triệu đồng

Tên Nhà cung cấp	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Jfe Shoji Corporation	241.555	132.139	390.045
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	125.436	93.954	122.251
Công ty TNHH KCC (Việt Nam)	55.883	63.517	77.150
Metal One Corporation	195.390	-	-
Các bên khác	498.579	204.217	408.968
Phải thu từ bên liên quan	724.976	912.313	917.290
Tổng cộng	1.841.820	1.406.140	1.915.704

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 được kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc, và không có khoản nợ quá hạn nào. Công ty và các Công ty con cũng không có vi phạm nào đối với các điều khoản khác trong các hợp đồng/cam kết của Công ty và Công ty con.

vi. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty tuân thủ các quy định pháp luật đối với các khoản phải nộp theo luật định, bao gồm các quy định pháp luật về thuế như Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân, và các quy định khác Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định như sau:

Bảng 14: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.791	47.744	48.687
2	Thuế giá trị gia tăng	98.753	45.204	2.171

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
3	Thuế thu nhập cá nhân	5.714	327	149
4	Thuế bảo vệ môi trường	65	32	0
5	Thuế nhập khẩu	139	124	145
6	Thuế khác	0	6.429	3.480
Tổng cộng		225.462	99.860	54.633

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

- ❖ Chi tiết tình hình nộp thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước đến hiện nay:
30/06/2026

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiết	Số đầu năm 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2026
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20	-	-	20
Thuế giá trị gia tăng khấu trừ	387.341	971.052	928.793	429.600
Thuế thu nhập cá nhân	281	105	142	244
Khác	711	20	20	711
Tổng cộng	388.353	971.177	928.956	430.574
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.744	48.687	47.744	48.687
Thuế giá trị gia tăng	45.204	930.444	973.477	2.171
Thuế thu nhập cá nhân	327	4.592	4.770	149
Thuế bảo vệ môi	32	178	211	-

trường				
Thuế nhập khẩu	124	395	374	145
Khác	6.429	189	3.138	3.480
TỔNG CỘNG	99.860	984.486	1.029.714	54.633

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Bảng 15: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.383	38.521	42.788
2	Thuế giá trị gia tăng	97.407	43.499	628
3	Thuế thu nhập cá nhân	5.116	-	-
4	Thuế bảo vệ môi trường	65	32	145
5	Thuế nhập khẩu	139	124	-
6	Thuế khác	-	2.826	-
Tổng cộng		211.110	85.002	43.561

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

vii. Trích lập các quỹ

Hàng năm, GDA trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 16: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	3.431	3.431	3.431
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.184	46.779	50.485

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
	Tổng cộng	45.615	50.210	53.916

Nguồn: BCTC HN năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC HN bán niên soát xét năm 2026

Bảng 17: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ đầu tư phát triển	3.431	3.431	3.431
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	40.164	44.830	48.188
	Tổng cộng	43.595	48.261	51.619

Nguồn: BCTC riêng năm 2024, 2025 kiểm toán và BCTC riêng bán niên soát xét năm 2026

viii. **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niên Yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2025):** Không có

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (hợp nhất)

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	1,18
Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,64	0,71
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,71	0,67
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,39	2,00